



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 &amp; ISO/IEC 17025:2017

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 24.8284

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT  
 2. Địa điểm lấy mẫu : XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ XK THỦY SẢN NAM LONG  
 Địa chỉ: Ấp Đàm Cùng, Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước, Tỉnh Cà Mau  
 3. Thông tin mẫu : Nước thải sau hệ thống xử lý  
 4. Ngày nhận mẫu : 05/06/2024  
 5. Thời gian thử nghiệm: 05/06/2024 - 11/06/2024  
 6. Ngày trả kết quả : 12/06/2024

| STT | Chỉ tiêu phân tích             | Đơn vị        | Kết quả               | QCVN<br>11-MT:2015/BTNMT<br>Giá trị C, Cột B | Phương pháp<br>phân tích |
|-----|--------------------------------|---------------|-----------------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 01  | pH                             | -             | 6,76                  | 5,5 - 9                                      | TCVN 6492:2011           |
| 02  | TSS                            | mg/L          | 32                    | 100                                          | TCVN 6625:2000           |
| 03  | BOD <sub>5</sub> (20°C)        | mg/L          | 25                    | 50                                           | SMEWW 5210B:2023         |
| 04  | COD                            | mg/L          | 42                    | 150                                          | SMEWW 5220C:2023         |
| 05  | N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> | mg/L          | 3,85                  | 20                                           | TCVN 5988:1995           |
| 06  | Tổng Nitơ                      | mg/L          | 22,9                  | 60                                           | TCVN 6638:2000           |
| 07  | Tổng Photpho                   | mg/L          | 5,31                  | 20                                           | SMEWW<br>4500-P.B&E:2023 |
| 08  | Clo dư                         | mg/L          | KPH (LOD=0,03)        | 2                                            | TCVN 6225-2:2021         |
| 09  | Dầu mỡ động thực vật           | mg/L          | 3,96                  | 20                                           | SMEWW<br>5520B&F:2023    |
| 10  | Tổng Coliform                  | MPN/<br>100ml | 3,6 x 10 <sup>3</sup> | 5000                                         | SMEWW 9221B:2023         |

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp
- Mẫu do Khách hàng mang đến, mẫu không niêm phong và chứa trong can nhựa 5 lít.
- QCVN 11-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : [moitruongphuongnam@gmail.com](mailto:moitruongphuongnam@gmail.com)Website : [www.moitruongphuongnam.com](http://www.moitruongphuongnam.com)

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 &amp; ISO/IEC 17025:2017

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 24.8285

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TOÀN VIỆT  
 2. Địa điểm lấy mẫu : XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ XK THỦY SẢN NAM LONG  
 Địa chỉ: Ấp Đầm Cùng, Xã Trần Thới, Huyện Cái Nước, Tỉnh Cà Mau  
 3. Thông tin mẫu : Khí thải tại nguồn  
 4. Ngày lấy mẫu : 05/06/2024  
 5. Ngày trả kết quả : 12/06/2024

| Chỉ tiêu                               | Bụi<br>mg/Nm <sup>3</sup> | H <sub>2</sub> S<br>mg/Nm <sup>3</sup> | NH <sub>3</sub><br>mg/Nm <sup>3</sup> |
|----------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------|
| Điểm đo                                |                           |                                        |                                       |
| E9: Bên trong ống khói khí thải lò hơi | 45                        | 2,7                                    | 5,2                                   |
| LOD                                    | -                         | 0,5                                    | 0,5                                   |
| Phương pháp đo, xác định               | US EPA Method 5           | JIS K 0108:2010                        | JIS K 0099:2020                       |
| QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B              | 160                       | 7,5                                    | 50                                    |

  

| Chỉ tiêu                               | SO <sub>2</sub><br>mg/Nm <sup>3</sup> | NO <sub>x</sub><br>mg/Nm <sup>3</sup> | CO<br>mg/Nm <sup>3</sup> |
|----------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| Điểm đo                                |                                       |                                       |                          |
| E9: Bên trong ống khói khí thải lò hơi | 26                                    | 45                                    | 119                      |
| Phương pháp đo, xác định               | HD – NB 05                            |                                       |                          |
| QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B              | 500                                   | 850                                   | 1000                     |

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

## Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

BM02-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020